

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lữ Thị Thu Hà

Bà Hà Thị Huấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Kiều, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị O, sinh năm 2000; Địa chỉ: Bản CL, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Bị đơn: Anh Lữ Văn Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản B, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lữ Văn Đ quen nhau, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn không hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không tìm được tiếng nói chung nên từ đó hai vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị O về nhà bố mẹ đẻ ở xã TT để sinh sống. Nay chị O thấy tình cảm vợ chồng

không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Lữ Văn Đ.

Về con chung: Chị O và anh Đ có 01 con chung là Lò Thị Huyền T, sinh ngày 08/12/2016. Chị O đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với bị đơn Lữ Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng cho anh Đ (qua người thân là mẹ đẻ anh Đ) nhưng anh Đ cố tình vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đ (qua người thân là mẹ đẻ anh Đ) nhưng phiên tòa ngày 15/12/2021 anh Đ vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ là bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp trong vụ án nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2021, Ông Lương Văn Q –Trưởng bản Bản B, xã TT cho biết: Chị O và anh Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức đám cưới theo tục lệ địa phương. Sau khi kết hôn, chị O và anh Đ sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì ông không rõ. Sau đó chị O về nhà bố mẹ đẻ thì không thấy hai bên đi lại thăm nom chăm sóc đến nhau nữa. Hiện anh Đ đã đi làm trong miền Nam nên hai vợ chồng không thấy đi lại thăm nom chăm sóc con cái và không mong muốn quay lại đoàn tụ vợ chồng. Về con chung, chị O và anh Đ có 01 con chung là cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 08/12/2016. Hiện cháu T đang ở với chị O. Về tài sản chung, chị O và anh Đ không thấy có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị O giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại

Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và qua người thân nhận thay cam đoan thông báo cho anh Đ biết, nhưng anh Đ cố tình vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Lò Thị O được ly hôn với anh Lữ Văn Đ; Về con chung: Giao cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 08/12/2016 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: chị Lò Thị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; Bị đơn cư trú tại bản B, xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt: Tại phiên tòa ngày 15/12/2021, anh Lữ Văn Đ là bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục mở phiên tòa lần thứ hai vào ngày 29/12/2021. Tại phiên tòa hôm nay, Anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Lò Thị O và anh Lữ Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 ngày 19/9/2018 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị O là hoàn toàn chính đáng bởi sau kết hôn chị O và anh Đ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống làm cho hai bên không tìm được tiếng nói chung nên từ đó dần không quan tâm đến nhau. Chị O về nhà bố mẹ đẻ ở xã TT để sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhau 02 năm nay, không còn quan tâm, đi lại với nhau nữa. Nên chị O cương quyết đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Hơn nữa anh Đ cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị O, như vậy chứng tỏ anh Đ cũng không tha thiết gì cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Như vậy, tình cảm giữa chị O và anh Đ đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị O xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị O và anh Lữ Văn Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 08/12/2016. Hiện cháu T đang ở với chị O. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy đề nghị của chị O về việc nuôi con chung khi ly hôn là hoàn toàn phù hợp nên HĐXX chấp nhận giao cháu T cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị O không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của chị O nên HĐXX chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ đều vắng mặt cũng như không có ý kiến phản hồi về việc ly hôn cũng như trách nhiệm nuôi dưỡng con chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này anh Đ có nguyện vọng về việc thay đổi người nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì anh Đ có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về tài sản: chị Lò Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị O về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị O được ly hôn anh Lữ Văn Đ.
- Về con chung: Giao cháu Lò Thị Huyền T, sinh ngày 08/12/2016 cho chị Lò Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lữ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lữ Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

* **Về án phí:** Chị Lò Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị O đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0012957 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Lò Thị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm. Chị O được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã TT, Quan Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án;

Bàn Hữu Văn